

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng vật tư không thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT chuyên khoa Hỗ trợ sinh sản, xét nghiệm, thận nhân tạo năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An thuộc dự toán cung ứng các mặt hàng vật tư chuyên khoa Hỗ trợ sinh sản, xét nghiệm, thận nhân tạo năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Lê Thị Kiên – Nhân viên Khoa dược - Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. Số điện thoại liên hệ: 0976448884.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Bệnh viện nhận trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: DS Lê Thị Kiên, SĐT: 0976448884. Khoa Dược, Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 26 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 6 tháng 10 năm 2023
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 6 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế
 - Danh mục thiết bị y tế Nhà sản xuất/Nhà cung cấp xem chi tiết tại *phụ lục 1 đính kèm*

Lưu ý: Nhà sản xuất/Nhà cung cấp thực hiện báo giá theo mẫu tại *phụ lục 2 đính kèm*.



2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Giao hàng trực tiếp về Kho Khoa Dược, Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vận chuyển, hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi ký hợp đồng. Thời gian giao hàng không chậm hơn 7 ngày kể từ ngày Khoa dược đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu.

Bên chào giá đồng ý cho Bệnh viện được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các bản báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Văn Hương



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC MẬT HÀNG VẬT TƯ KHÔNG THUỘC THÔNG TƯ SỐ 04/2017/TT-BYT CHUYÊN KHOA HỖ TRỢ SINH SẢN, XÉT NGHIỆM, THẬN NHÂN TẠO NĂM 2024 TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 2396 /TB-BV ngày 25 tháng 9 năm 2023)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
1	XN11	Cộng trữ phôi	Dùng để thực hiện trữ phôi và trứng bằng phương pháp thủy tinh hoá. Chất liệu: Polyethylene Terephthalate Gồm: màng mỏng gắn với tay cầm và phủ bên ngoài bởi vỏ mỏng. Tổng chiều dài: ≥ 130 mm. Chiều dài của bản chứa phôi: ≥ 18 mm. Có nhiều màu để phân biệt. Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	800
2	XN12	Cộng trữ phôi	Dùng để thực hiện trữ phôi và trứng bằng phương pháp thủy tinh hoá. Chất liệu: Acrylonitrile Butadiene Styrene Gồm: màng mỏng gắn với tay cầm và phủ bên ngoài bởi vỏ mỏng. Tổng chiều dài: ≥ 120 mm và ≤ 130 mm Chiều dài của bản chứa phôi: ≥ 18 mm. Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	500

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
3	XN29	Đĩa nuôi cấy 90 mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 90 mm Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm về khả năng vận động của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	2.250
4	XN38	Đĩa nuôi cấy 90 mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 90 mm. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	2.000
5	XN30	Đĩa nuôi cấy 35 mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 35 mm Chiều cao: ≥ 11 mm Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm về khả năng vận động của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	4.500

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
6	XN31	Đĩa nuôi cấy 35 mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 35 mm. Chiều cao đĩa: ≥ 12 mm và ≤ 13.5 mm. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm về khả năng vận động của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	3.500
7	XN32	Đĩa nuôi cấy 4 giếng	Chất liệu: Polystyrene Trên đĩa có 4 giếng nuôi cấy Đường kính: ≥ 66 mm Chiều cao: ≥ 66 mm Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm sự sống sót của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	1.800
8	XN33	Đĩa nuôi cấy 4 giếng	Chất liệu : Polystyrene Trên đĩa có 4 giếng nuôi cấy. Dung tích mỗi giếng: ≥ 1.8 ml, thể tích giữa các giếng ≥ 7 ml Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	1.200

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
9	XN34	Đĩa nuôi cấy 60mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 60 mm. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	1.000
10	XN35	Đĩa nuôi cấy 60mm	Chất liệu: Polystyrene Đường kính: 60 mm. Chiều cao: ≥ 14 mm. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm về khả năng vận động của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	1.200
11	XN36	Đĩa nuôi cấy 60mm	Chất liệu : Polystyrene Đường kính: 60 mm. Chiều cao đĩa: ≥ 15 mm. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm về khả năng vận động của tinh trùng Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	1.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
12	XN37	Đĩa nuôi cấy vi giọt	Chất liệu: Polystyrene Trên đĩa có ≥ 12 vi giếng Thể tích giọt nuôi cấy mỗi giếng $\geq 25 \mu\text{l}$ và $\leq 35 \mu\text{l}$ Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	400
13	XN39	Dụng cụ bơm tinh trùng	Chất liệu: Polypropylene Chiều dài $\geq 160 \text{ mm}$ và $\leq 180 \text{ mm}$. Bên ngoài có vạch chia. Đường kính ngoài $\geq 2.0 \text{ mm}$ và $\leq 2.2 \text{ mm}$. Thể tích hoạt động $\geq 0.2 \text{ ml}$ và $\leq 0.3 \text{ ml}$. Thân có lớp bọc trợ cứng Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm sự sống sót của tinh trùng Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	200
14	XN40	Dụng cụ bơm tinh trùng	Chiều dài: $\geq 225 \text{ mm}$ và $\leq 235 \text{ mm}$ Đường kính ngoài: $\geq 1.9 \text{ mm}$ và $\leq 2.1 \text{ mm}$. Thể tích $\geq 0.08 \text{ ml}$ Đầu trơn. Có 1 lỗ ở đầu xa, giữ kim dạng khoá Luer Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	200

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
15	XN41	Dụng cụ chứa cộng trữ phôi 14 mm	Chịu được nhiệt độ âm sâu khi trữ lạnh trứng hoặc phôi. Hình dạng dẹt, chiều dài ≥ 140 mm. Phần thân trong suốt Chứa được ≥ 3 cộng trữ phôi Có nhiều màu sắc để phân biệt.		Cái/ Chiếc	800
16	XN42	Dụng cụ chuyển phôi	Bao gồm: 01 ống bọc ngoài dài ≥ 180 mm và ≤ 190 mm, đường kính ngoài ≥ 2.20 mm 01 catheter chuyển phôi chiều dài ≥ 220 mm, đường kính trong: ≥ 0.60 mm, đường kính ngoài: ≥ 1.00 mm 01 thanh kim loại được phủ bằng Poplyethylene. Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	800
17	XN43	Dụng cụ chuyển phôi	Bao gồm: 01 catheter hướng dẫn: chiều dài: ≥ 198 mm và ≤ 210 mm, đường kính ngoài: ≥ 1.9 mm và ≤ 2.1 mm. 01 catheter chuyển phôi: chiều dài: ≥ 264 mm và ≤ 268 mm, đường kính: ≥ 0.9 mm và ≤ 1.1 mm 01 thanh kim loại hỗ trợ Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	450

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
18	XN44	Dụng cụ chuyển phôi	Bao gồm: 01 catheter hướng dẫn : chiều dài ≥ 210 mm và ≤ 2 mm 01 catheter chuyển phôi : chiều dài ≥ 250 mm và ≤ 300 mm, đường kính trong ≥ 0.50 mm, đường kính ngoài ≤ 3.00 mm. 01 thanh kim loại hỗ trợ Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA). Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	400
19	XN53	Kim giữ trứng	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đầu kim có góc $\geq 20^\circ$ và $\leq 40^\circ$. Đường kính trong: ≥ 15 μm và ≤ 25 μm Đường kính ngoài: ≥ 80 μm và ≤ 120 μm Chiều dài: ≥ 50 mm và ≤ 60 mm. Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	200
20	XN54	Kim giữ trứng	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đầu kim có góc 35° . Đường kính trong: ≥ 15 μm và ≤ 25 μm . Đường kính ngoài: ≥ 115 μm . Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	400

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
21	XN55	Kim giữ trứng	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đầu kim có góc 35° Đường kính trong: $\geq 20 \mu\text{m}$ và $\leq 30 \mu\text{m}$. Đường kính ngoài: $\geq 110 \mu\text{m}$ và $\leq 160 \mu\text{m}$. Chiều dài kim: $\geq 50 \text{ mm}$ và $\leq 60 \text{ mm}$. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL). Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA). Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	750
22	XN56	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương trứng	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đầu kim có góc 35°. Chiều dài $\geq 55 \text{ mm}$ và $\leq 65 \text{ mm}$. Đường kính trong: $\geq 4 \mu\text{m}$ và $\leq 5.5 \mu\text{m}$. Chiều dài đầu kim: $\geq 17 \mu\text{m}$ và $\leq 20 \mu\text{m}$. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL). Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA). Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	500
23	XN57	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương trứng	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đầu kim có góc $\geq 20^\circ$ và $\leq 35^\circ$ Chiều dài $\geq 55 \text{ mm}$. Đường kính trong: $\geq 4 \mu\text{m}$ và $\leq 5.5 \mu\text{m}$ Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	300

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
24	XN58	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương trứng	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đầu kim có góc 35°. Đường kính trong: $\geq 4 \mu\text{m}$ và $\leq 5.5 \mu\text{m}$ Đường kính ngoài: $\geq 6 \mu\text{m}$ và $\leq 7 \mu\text{m}$. Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	500
25	XN62	Kim xử lý trứng và phôi	Chất liệu: nhựa y tế. Đường kính trong $\geq 70 \mu\text{m}$ và $\leq 80 \mu\text{m}$. Đầu tip phẳng. Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	500
26	XN63	Kim xử lý trứng và phôi	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đường kính: $\geq 50 \mu\text{m}$ và $\leq 60 \mu\text{m}$. Đầu kim thẳng và mịn. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	500
27	XN64	Kim xử lý trứng và phôi	Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Đường kính: $\geq 50 \mu\text{m}$ và $\leq 190 \mu\text{m}$. Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL). Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA). Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	1.600

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
28	XN70	Lọ đựng mẫu tinh dịch	Chất liệu thân: Polypropylen. Chất liệu nắp: polyethylene Chiều cao: ≥ 70 mm, đường kính miệng: ≥ 55 mm; Thể tích tối đa: 150 ml Có vạch chia độ, có nhãn ghi thông tin. Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc/ Lọ	700
29	XN79	Ống ly tâm 15ml	Chất liệu: polystyrene Dung tích 15ml, đáy nhọn Đường kính ≥ 17 mm, chiều cao ≥ 120 mm. Đã tiệt trùng.		Cái/ Ống	1.000
30	XN82	Ống nghiệm 15ml	Chất liệu : Polypropylene Dung tích 15 ml, đáy nhọn Đạt kiểm nghiệm nội độc tố (LAL) Đạt kiểm nghiệm độc tính trên tế bào phôi chuột (MEA) Đã tiệt trùng.		Cái/ Ống	600
31	XN83	Ống nghiệm đáy tròn 14ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 14ml, đáy tròn Đường kính ≥ 17 mm, chiều cao ≥ 100 mm. Không chứa RNase, DNase. Đã tiệt trùng.		Cái/ Ống	1.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
32	XN84	Ống nghiệm đáy tròn 14ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 14ml, đáy tròn Đạt kiểm nghiệm trên phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm độ sống sót và di động tinh trùng (SMI) Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Ống	1.000
33	XN85	Ống nghiệm đáy tròn 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 5ml, đáy tròn Đường kính ≥ 12 mm, chiều cao ≥ 75 mm. Không chứa RNase, DNase. Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Ống	2.500
34	XN86	Ống nghiệm đáy tròn 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 5ml, đáy tròn Đạt kiểm nghiệm trên phôi chuột (MEA) Đạt kiểm nghiệm độ sống sót và di động tinh trùng (SMI). Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Ống	1.500
35	XN96	Pipette hút mẫu 10ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích: 10ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase và RNase, không chứa chất gây sốt Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	2.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
36	XN97	Pipette hút mẫu 10ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 10ml, có vạch chia thể tích Không có RNase/DNase. Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	2.000
37	XN98	Pipette hút mẫu 1ml	Dung tích: 1ml; Không chứa DNase và RNase, không chứa chất gây sốt Có vạch chia thể tích Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	600
38	XN99	Pipette hút mẫu 1ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích: 1 ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase và RNase, không chứa chất gây sốt Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	500
39	XN100	Pipette hút mẫu 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích 5ml, có vạch chia thể tích Không có RNase/DNase. Đã tiệt trùng từng cái		Cái/ Chiếc	1.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
40	XN102	Pipette pasteur 150mm	Chất liệu: Thủy tinh sodalime. Chiều dài: ≥ 150 mm. Đường kính: ≥ 6.5 mm. Độ dày: ≥ 0.5 mm. Đường kính ngoài đầu Pipette: ≥ 1.2 mm. Đường kính trong đầu Pipette: ≥ 0.7 mm. Có bông chặn. Đã tiệt trùng		Cái/ Chiếc	15.000
41	XN103	Pipette pasteur 150mm	Chất liệu: Thủy tinh sodalime với cerium. Chiều dài: ≥ 150 mm. Đường kính: ≥ 6.5 mm. Độ dày: ≥ 0.5 mm. Đường kính ngoài đầu Pipette: ≥ 1.2 mm. Đường kính trong đầu Pipette: ≥ 0.7 mm. Có bông chặn. Đã tiệt trùng		Cái/ Chiếc	15.000
42	XN108	Thanh nhôm giữ ống trữ lạnh tinh trùng	Thanh nhôm dùng để gắn với ống đông tinh thể tích ≥ 1 ml và ≤ 2 ml. Có mẫu giữ chặt ống đông tinh. Chứa được ≥ 2 và ≤ 5 ống đông tinh. Đã tiệt trùng		Cái/ Chiếc	150

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
43	XN109	Ống trữ lạnh tinh trùng	Được sử dụng để trữ lạnh tinh trùng. Chất liệu: Polyethylene. Chiều cao: ≥ 45 mm và ≤ 48 mm Đường kính ngoài: ≥ 12.5 mm. Thể tích: ≥ 1.8 ml. Đáy tròn, có nắp vặn. Có nhãn ghi thông tin. Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	200
44	XN65	Lam kính mài	Chất liệu: thủy tinh. Độ dày ≤ 1.2 mm. Chiều dài ≤ 77 mm.		Cái/ Chiếc	69.800
45	XN78	Ống ly tâm 15ml	Chất liệu: polystyrene Có nắp bằng High Density Polyethylene (HDPE). Dung tích 15ml. Đáy nhọn, có vùng viết thông tin, bề mặt trơ về mặt sinh học và kỵ nước. Độ dày thành ống $\geq 0,80$ mm. Chiều cao ống không nắp ≥ 120 mm. Đã tiệt trùng.		Cái/ Ống	2.000
46	XN101	Pipette hút mẫu 5ml	Chất liệu: Polystyrene Dung tích: 5 ml, có vạch chia thể tích Không chứa DNase và RNase, không chứa chất gây sốt Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Chiếc	5.000
47	XN49	Khuôn đúc bệnh phẩm có nắp	Chất liệu: Polyoxymethylene (POM). Kích thước bên ngoài: dài ≤ 40 mm; rộng ≥ 26 mm và ≤ 30 mm. Có nắp		Cái/ Chiếc	18.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
48	XN89	Ống nghiệm nhựa có nắp 5ml	Chất liệu: nhựa Polystyrene hoặc Polypropylene. Dung tích 5ml. Có nắp. Có nhãn.		Cái/ Ống	263.600
49	XN8	Cồng đo mẫu cho máy khí máu	Cồng đo mẫu sử dụng cho máy phân tích khí máu.		Cái/ Chiếc	30
50	XN13	Cồng phản ứng cho máy sinh hóa	Sử dụng để ủ và đo quang hỗn hợp phản ứng cho máy phân tích sinh hóa.		Cái/ Chiếc	48
51	XN47	Giếng phản ứng cho máy miễn dịch	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch hóa phát quang. Chất liệu: polypropylene. Dung tích ≤ 1 ml.		Cái/ Chiếc	250.000
52	XN87	Ống nghiệm nhựa có nắp 10ml	Chất liệu: Polypropylen. Dung tích 10ml, có nắp.		Cái/ Ống	150.000
53	XN10	Cuvet phản ứng cho máy đông máu	Sử dụng trên dòng máy phân tích đông máu tự động. Chất liệu: Polystyrene.		Ống/ Cái	540.000
54	XN9	Cuvet phản ứng cho máy đông máu	Sử dụng cho xét nghiệm ngưng tập tiểu cầu trên các dòng máy phân tích đông máu tự động. Chất liệu: nhựa cứng. Có kèm que khuấy.		Cái/ Chiếc	864.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
55	XN48	Khay pha loãng hồng cầu	Sử dụng làm trên hệ thống định nhóm máu. Chất liệu: nhựa y tế. Khay bao gồm các giếng pha loãng hồng cầu.		Cái/ Chiếc	1.800
56	XN88	Ống nghiệm nhựa có nắp 10ml	Chất liệu: Polystyren. Dung tích 10ml, có nắp.		Cái/ Ống	60.000
57	XN91	Ống nghiệm nhựa không nắp 5ml	Chất liệu: Polystyrene hoặc Polypropylene. Dung tích: 5ml. Không có nắp.		Cái/ Ống	360.000
58	XN92	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt. Dung tích: 5ml. Độ dày $\geq 0.6\text{mm}$.		Cái/ Ống	360.000
59	XN95	Phiếu lấy mẫu máu khô	Chất liệu 100% cotton. Đường kính điểm máu khô: $\geq 15\text{mm}$ và $\leq 17\text{mm}$.		Cái/ Chiếc	500
60	XN5	Chai nuôi cấy tế bào	Diện tích nuôi cấy $\geq 25\text{cm}^2$. Chất liệu: polystyrene. Không có chất gây sốt. Kiểu nắp: có lỗ thông hơi. Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	400
61	XN6	Chai nuôi cấy tế bào	Diện tích nuôi cấy $\geq 25\text{cm}^2$. Chất liệu: polystyrene. Không có chất gây sốt. Kiểu nắp: kín khí. Đã tiệt trùng.		Cái/ Chiếc	500
62	XN26	Dây 8 giếng cho máy xét nghiệm PCR	Sử dụng cho máy xét nghiệm real-time PCR. Thành phần: polypropylene. Dây 8 ống nhựa có nắp, màu trắng trong, dung tích $\geq 0.1\text{ml}$ và $\leq 0.2\text{ml}$.		Cái/ Chiếc	9.600

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
63	XN27	Đĩa chứa mẫu cho máy giải trình tự	Sử dụng cho máy giải trình tự. Chất liệu: Polypropylene. Không chứa DNase và RNase. Đĩa 96 giếng thể tích $\leq 0.3\text{ml}$.		Cái/ Chiếc	100
64	XN71	Nắp đáy đĩa chứa mẫu cho máy giải trình tự	Sử dụng cho máy giải trình tự. Chất liệu: Polypropylene. Không chứa DNase và RNase.		Cái/ Chiếc	100
65	XN73	Ống đựng mẫu cho cho hệ thống máy xét nghiệm sinh học phân tử	Sử dụng cho hệ thống máy sinh học phân tử. Kích thước: 13mmx75mm.		Cái/ Ống	15.000
66	XN77	Ống ly tâm 1.5ml	Chất liệu: polypropylene. Dung tích: 1.5ml. Nắp ống: khả năng chịu nhiệt độ từ -80°C đến 120°C . Không chứa DNase, RNase, nội độc tố gây sốt.		Cái/ Ống	15.000
67	XN93	Ống phản ứng cho máy xét nghiệm PCR 0.2ml	Sử dụng cho máy xét nghiệm PCR. Chất liệu polypropylene. Dung tích: 0.2ml, có nắp phẳng, màu trắng trong.		Cái/ Ống	3.000
68	XN111	Ống hút Pasteur tiệt trùng	Chất liệu nhựa polypropylene. Dung tích $\leq 5\text{ml}$. Đã tiệt trùng từng cái.		Cái/ Ống/ Chiếc	5.000
69	XN28	Đĩa nhựa Petri	Dùng để đổ môi trường nuôi cấy vi sinh vật. Chất liệu: polystyrene. Đường kính $\leq 90\text{mm}$. Dày $\geq 15\text{mm}$. Đã tiệt trùng.		Đĩa/ Cái	10.000
70	XN66	Lam kính mài	Chất liệu: thủy tinh. Độ dày $\leq 1.2\text{ mm}$. Chiều dài $\leq 77\text{ mm}$. Một đầu mài nhám.		Cái/ Chiếc	61.580

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
71	XN67	Lamen	Chất liệu: thủy tinh trong suốt. Kích thước: Chiều rộng ≥ 22 mm; chiều dài ≥ 22 mm.		Cái/ Chiếc	51.200
72	XN94	Ống pha huyền dịch vi khuẩn	Dùng pha loãng mẫu làm kháng sinh đồ trên máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động. Chất liệu: polystyrene, trong suốt. Kích thước 12mm x 75mm		Cái/ Ống	12.000
73	XN90	Ống nghiệm nhựa có nắp 5ml	Chất liệu: Polystyrene hoặc Polypropylene. Dung tích 5ml. Có nắp.		Cái/ Ống	270.000
74	XN45	Dụng cụ lấy mẫu khí máu	Dụng cụ lấy mẫu khí máu dùng cho máy phân tích khí máu, điện giải. Đã tiệt trùng		Cái/ Chiếc	37.500
75	HL60	Dung dịch thâm phân máu đậm đặc	Mỗi 10 lít dung dịch chứa: • Natri clorid: 2708,69g • Kali clorid: 67,10g • Calciclorid.2H ₂ O: 99,24 g • Magnesi clorid.6H ₂ O: 45,75g • Acid acetic băng: 81,00g • Glucose H ₂ O : 494,99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít	≥ 10 lít/Can	Can	2.000
76	HL61	Dung dịch thâm phân máu đậm đặc	Mỗi 10 lít dung dịch chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat.2H ₂ O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít	≥ 10 lít/Can	Can	3.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất ¹
77	HL62	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc	Mỗi 10 lít dung dịch chứa: • Natri clorid: 2708,69g • Kali clorid: 67,10g • Calci clorid.2H ₂ O: 99,24 g • Magnesi clorid.6H ₂ O: 45,75g • Acid acetic băng: 81,00g • Glucose H ₂ O : 494,99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: CE	≥ 10 lít/Can	Can	5.000
78	HL63	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc	Mỗi 10 lít dung dịch chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0,5 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: CE	≥ 10 lít/Can	Can	6.000
Tổng: 78 mã hàng						

Ghi chú:

1: Số lượng, khối lượng hàng hoá là số lượng dự kiến, khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể tăng/giảm 30% so với yêu cầu báo giá



Công ty.....

Địa chỉ/SĐT:.....

....., Ngày.....tháng.....năm.....

BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã HH ⁽¹⁾	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại thiết bị y tế ⁽³⁾	Mã hiệu, model ⁽⁴⁾	Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế ⁽⁵⁾	Đơn vị tính ⁽⁶⁾	Quy cách ⁽⁷⁾	Mã HS ⁽⁸⁾	Năm sản xuất ⁽⁹⁾	Hãng – nước sản xuất ⁽¹⁰⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽¹¹⁾	Đơn giá ⁽¹²⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹³⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁴⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁵⁾ (VND)
1															
2															
n		...													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Các thông số kỹ thuật sản phẩm báo giá tại mục 1 của Bản báo giá đúng với các thông tin trong tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chúng tôi chào giá và phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời chào giá (tại Phụ lục 1).

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong bản báo giá.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Mã HH ghi theo mã hàng hóa mời chào giá

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ Tên thương mại của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với Thông số kỹ thuật mời chào giá.

(6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(9), (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể lần lượt năm sản xuất, hãng – nước sản xuất của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá [đã bao gồm Chi phí cho các dịch vụ liên quan (13), Thuế, phí, lệ phí (14)] tương ứng với từng thiết bị y tế.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(16) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có).

Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

